

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 77

### Phẩm 8: NÓI VỀ ĐỊNH (PHẦN 1)

Đã nói về sự sai khác nhau giữa các trí như thế, kể đây sẽ phân biệt định, đối tượng nương tựa của trí, vì chỉ các tĩnh lực là đủ công năng làm chỗ dựa, nên trong phẩm này, trước nói về tĩnh lực. Hoặc trước nói về công đức chung.

Đã nói về công đức vô tránh v.v... do trí đã hoàn thành, công đức được thành xong khác, nay kể sẽ nói, trong đó, trước nói về định, là đối tượng nương tựa. Tĩnh lực trong các định là thế nào? Tụng rằng:

*Tĩnh lực bốn đều hai  
Ở trong Sinh đã nói  
Định, là một cảnh thiện  
Và tánh năm uẩn bạn  
Trước đủ từ hỷ lạc  
Sau lia dân chi trước.*

**Luận nói:** Tất cả công đức đa số vì nương vào tĩnh lực, nên trước phải nói về sự sai khác của tĩnh lực.

Tĩnh lực này gồm có bốn thứ, nghĩa là: Một, hai, ba, bốn.

Chẳng lẽ các tĩnh lực không có danh tướng không chung như từ v.v... mà nay chỉ căn cứ ở bốn số: Một v.v... để kiến đặt tên riêng hay sao?

Trong đây, chẳng phải không có danh, tướng không chung, nhưng không có chỉ gồm nhiếp khắp tên một địa, vì các tĩnh lực đều có hai thứ, nghĩa là định và sinh có khác biệt. Các Sinh tĩnh lực, như trước đã nói, nghĩa là tĩnh lực thứ tư, thứ tám, ba tĩnh lực trước đều có ba, không có tên khác nhau mà giải thích chung một địa. Các định tĩnh lực, đều có tướng chung, không có riêng, nghĩa là thể của bốn tĩnh lực này, nói chung, đều thuộc về tánh thiện, tâm nhất cảnh tánh dùng đẳng trì thiện làm tự tánh.

Nếu năm uẩn giúp đỡ làm tánh, thì hai thứ này đã đồng, khó biết sai khác. Mặc dù tướng không có riêng mà địa có khác, vì biểu thị địa có khác, căn cứ ở số để danh, nên nói là thứ nhất cho đến thứ tư.

Trong đây, Kinh chủ tự hỏi đáp: Sao gọi là nhất cảnh tánh? Nghĩa là chỉ có một sở duyên. Người kia đáp: Phi lý, vì nhãn thức và ý thức nếu đồng một sở duyên thì lẽ ra gọi nhất cảnh tánh? Nên đối với xứ này, nên tìm ý khác, nghĩa là nếu nương dựa một căn của chỗ dựa, chỉ có một sở duyên, gọi là nhất cảnh tánh.

Há không là một niệm không có đối sở duyên nên trong tất cả tâm đều có nhất cảnh tánh? Về lý, thật sự đều có một Sát-na, vì chuyển biến một cảnh của pháp tâm, tâm sở, nhưng không phải tất cả đều được gọi là định, vì ở đây nói nhất cảnh tánh chỉ vì biểu thị, do đẳng trì thù thắng, khiến tâm, tâm sở thiện nối tiếp nhau mà chuyển.

Nếu vậy, thì tâm dựa vào một căn chuyển, dẫn duyên nơi cảnh mình, tâm khác nối tiếp nhau sinh, đây gọi là một tánh cảnh của tâm, lẽ ra ngoài tâm không có đẳng trì riêng?

Lời vấn nạn này không đúng, vì trước đã nói, nghĩa là trước đã nói rộng, trong pháp tâm sở, đã nói về đẳng trì, rời ngoài tâm có riêng, nghĩa là nếu thể của tâm tức Tam-ma-địa, khiến tâm tạo ra đẳng trì thì lẽ ra cũng không có riêng, vì nhân duyên sai khác không thể được.

Vấn nạn này như thế v.v... đã biểu thị như trước nên không phải tức tâm gọi Tam-ma-địa.

Vì căn cứ vào nghĩa nào, nên đặt danh từ tĩnh lự?

Vì do căn cứ vào sự vắng lặng này, mới có thể suy xét. Suy xét tức là nghĩa thật sự biết rõ, như nói tâm ở định, có khả năng biết rõ như thật.

Vì đặt để giới địa trong nghĩa suy xét, nên tông chỉ của luận này là suy xét, chắc chắn lấy tuệ làm thể. Căn cứ vào lời dạy bảo để giải thích, về lý, đây là sự lắng đọng, vắng lặng, xứ cảnh tư duy so lường, được gọi là tĩnh lự, chắc chắn khiến tuệ sinh, vì không có nhiễm chấp, rối loạn.

Có thuyết nói: Định này gìn giữ duyên khắp thù thắng, đúng như lý tư duy, nên gọi là tĩnh lự. Nói thù thắng là phân biệt cõi Dục, duyên khắp phân biệt Vô sắc, như lý tư duy, phân biệt khác với điên đảo, gìn giữ được định này, là đẳng trì cao siêu. Đẳng trì cao siêu này gọi là tĩnh lự.

Lời nói này biểu thị chỉ quán đều vận hành, không điên đảo v.v... thì mới gọi là tĩnh lự.

Nếu vậy, ô nhiễm làm sao được tên này?

Do hành giả kia cũng vì hay suy xét tà vạy, nên ở xứ tương tự, cũng đặt tên này, như thế gian nói: “Vì hạt giống v.v... hư mục”, nên không có lỗi tất cả gọi tinh lự. Nếu tánh thiện gồm nhiếp tâm nhất cảnh tánh và giúp lập làm bốn tinh lự, thì căn cứ vào tướng nào để lập sơ, nhị, tam, tứ, đủ tứ hỷ lạc, kiến lập làm sơ? Nghĩa là nếu một tánh cảnh thiện trong địa vị, đủ tương ứng với tâm, tứ, hỷ, lạc. Đẳng trì như thế, gọi là Sơ tinh lự. Trong bài tụng, chỉ nói tương ứng với tứ. Đã biểu thị với tâm, cũng là nghĩa tương ứng, vì nếu có từ cùng có với hỷ, lạc, thì sẽ không có bất tương ứng với tâm.

Vì biểu thị tinh lự thứ hai trừ tứ kiến lập, nên bài tụng chỉ nói đủ tứ không phải tâm. Khác với đây, nên nói đủ hỷ, lạc, tâm, nêu tâm có tứ, không nói tự thành. Là dần chi trước, lập hai, ba, bốn, là từ có hai, là hai có lạc, là đủ ba thứ, như thứ lớp đó, nên nhất cảnh tánh, được chia làm bốn thứ.

Đã nói tinh lự, Vô sắc là thế nào? Tụng rằng:

*Vô sắc cũng như thế,  
Bốn uẩn liạ địa dưới  
Và ba phần gần trên  
Gọi chung trừ tướng Sắc  
Vô sắc là Vô sắc  
Sắc sau khởi từ tâm  
Không vô biên là ba  
Gọi từ gia hạnh lập  
Phi tướng, phi phi tướng  
Tối, kém, nên đặt tên.*

**Luận nói:** Vô sắc này đồng tự tánh với số tinh lự, nghĩa là bốn đều hai sinh, như trước đã nói, tức phẩm Thế nói: Do sinh có bốn. Thế của định Vô sắc, tóm lại cũng thuộc về tánh thiện. Tâm nhất cảnh tánh, vì căn cứ tánh cảnh này, nên nói: Cũng như thế. Nhưng trong giúp đỡ, ở đây trừ uẩn sắc, vì Vô sắc không có sắc tùy chuyển, nên dù một tánh cảnh, với bạn không khác. Vì là địa dưới sinh, nên chia làm bốn thứ, nghĩa là nếu đã là tinh lự thứ tư, sinh lập Không vô biên xứ, cho đến đã là Vô sở hữu xứ sinh, lập Phi tướng phi phi tướng xứ.

Là nghĩa là gì?

Nghĩa là do đạo Giải thoát hoặc của địa dưới là nghĩa là nhiệm của địa dưới, tức bốn căn bản này và ba phần gần trên, gọi chung là trừ khử tướng sắc, phần gần của Không xứ chưa được tên này, vì duyên sắc của địa dưới khởi tướng sắc, nên không phải duyên sắc tướng của địa

dưới, có thể đặt tên gọi là trừ sắc.

Nếu vậy, vì sao nói uẩn đại chủng trừ bỏ tướng sắc là định thứ tư?

Uẩn đại chủng kia duyên tất cả các sắc trong tự thân ở cõi Dục, vì trừ khử dần, nên không phải cõi Vô sắc, có thể có tướng này là trừ tướng sắc. Vì gia hạnh trước, nên đặt tên căn bản, cũng không có lỗi.

Căn cứ vào nghĩa nào nên đặt tên Vô sắc?

Lỗ-ba nói: Nghĩa rõ rệt có thể biến hóa, thị hiện, dựa vào chuyển biến, thị hiện gọi là sắc.

Nói A tức là hiển, nghĩa là chủ thể chế phục, căn cứ, vì muốn hiển bày trong biển sinh tử, cũng có lúc tạm chế phục, căn cứ xứ sắc, dựa vào nghĩa chế phục, căn cứ để nói, gọi là vô. Vì trong cõi kia chế phục, căn cứ biến hóa, thị hiện, dựa vào nghĩa Vô sắc, gọi là A-lỗ-ba. Hoặc nói A này gồm nghĩa hiển bày tột cùng. Dù đối với cõi khác cũng có pháp không thể biến chuyển, thị hiện, mà cõi Vô sắc là tột cùng không thể biến chuyển hiển bày ở các sắc chỗ dựa của cõi kia hiện ở cõi này. Hoặc nói A này gồm nghĩa hiển có. Vì ngăn dứt cõi này chỉ là không có sắc (Vô sắc), nên nói A, chỉ rõ có Vô sắc, nghĩa là đời cũng có chỉ nói là “ngăn”, cũng thấy có khả ngăn dứt mà gồm cả biểu hiện.

Làm sao biết rõ Vô sắc này không phải chỉ là ngăn dứt, nên nói là A, biểu thị đủ ngăn dứt và biểu hiện. Nếu khác với đây, thì phải nói thanh biểu. Hoặc trong cõi này đều không có sắc, về lý phải kiến lập biểu, với tên Lỗ-ba, nhưng tên gọi này là A-lỗ-ba, tức thể Lỗ-ba, tên gọi A-lỗ-ba tiếng dù ngắn, dài nhưng nghĩa không khác.

Có thuyết nói: Vì sắc kia nhỏ nhiệm, nên cũng gọi là không có, như vật thể màu vàng, rất nhỏ, cũng gọi là không có vật thể màu vàng.

Lời nói như thế, chỉ có lời suông mà không thật, vì tướng sắc nơi cõi kia không thể nói, nghĩa là không thể nói cõi kia có luật nghi thân, ngữ. Thể của thân, ngữ đã không có, thì luật nghi không thành.

Nếu thừa nhận cõi kia có thân, ngữ, thì sao lại vừa thừa nhận sắc của cõi đó nhỏ nhiệm? Nếu thân trong cõi kia vì lượng nhỏ, thì cõi bàng sinh lẽ ra phải có Vô sắc, có trùng cùng cực vi, vì không thể thấy? Nếu cho rằng thân cõi kia rất mầu nhiệm, thì trung hữu cõi Sắc nên gọi là Vô sắc chăng? Nếu cho cùng cực trong thân thanh diệu kia, lẽ ra chỉ Hữu đánh được gọi là Vô sắc, như vì sinh thân của định có hơn, kém?

Lại, sinh tịnh lực đã có sắc thân, do công năng định dần dần cao siêu. Địa trên càng chuyển biến thanh, diệu so với địa dưới, chứ không phải vì căn của địa dưới đã có công năng nhận lấy, đâu có khác với địa

dưới, nên không gọi Vô sắc?

Nếu thấy có danh, không như nghĩa và thấy có danh, có cả hai nghĩa, nên không thể như danh, nhất định chấp nghĩa ấy, thì cõi Vô sắc có sắc, không có sắc, lẽ ra phải xem xét, tìm câu giáo lý làm chứng, chấp có tức cõi kia chắc chắn có sắc?

Kinh nói: Thọ, noãn, thức hòa hợp mà chuyển biến. Đã thừa nhận, thọ, thức của cõi kia chẳng phải không có, về lý, lẽ ra phải có noãn, noãn tức là sắc. Lại, nói danh sắc với thức nương tựa nhau, như hai bó cỏ lau đứng dựa vào nhau.

Đã thừa nhận, thể thức của cõi kia chẳng phải không có, thì lẽ ra cũng phải thừa nhận có danh sắc. Lại, Đức Thế Tôn đã nói: có bốn thức trụ.

Đã thừa nhận cõi kia có thức, chủ thể trụ, thì lẽ ra phải thừa nhận có sắc đối tượng trụ v.v...

Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu nói lìa sắc, cho đến lìa hành, thức có quá khứ, vị lai, thì thuyết này chỉ có lời nói, cho đến nói rộng.

Như thế, nghĩa là giáo cũng có chánh lý. Nếu trong cõi kia đều không có sắc, thì khi mất ở cõi kia, sinh cõi dưới, sắc sẽ sinh từ đâu? Hoặc uẩn A-la-hán nối tiếp nhau dứt, lẽ ra phải thừa nhận uẩn nối tiếp trở lại vào thời gian sau. Do giáo lý này, sắc kia chẳng phải không có.

Chứng minh này không đúng, vì không suy xét. Và lại, hai giáo đầu tiên, như Khế kinh khác, căn cứ cõi Dục, Sắc, mật ý mà nói, như nói: Danh sắc duyên sinh sáu xứ và sáu xứ xúc, gọi là sĩ phu.

Há thừa nhận kinh kia nói chung ba cõi, chỉ căn cứ chấp nhận có nói thế này hay sao.

Nếu cho rằng kinh này nói: Vì không có phân biệt, nên không nên giải thích khác. Về lý, cũng không đúng, không có nói phân biệt, có nghĩa khác, nên tức như trước đã dẫn hai kinh.

Lại, trong vật bên ngoài, lẽ ra có thọ, thức. Vật kia có noãn, xúc và danh sắc. Như kinh này nói: Mặc dù không có phân biệt mà thừa nhận Noãn bên ngoài, lìa thọ, thức sinh. Và danh sắc bên ngoài, không dựa vào thức chuyển.

Như thế kinh nói dù không có phân biệt, nhưng nên thừa nhận thọ, thức ở Vô sắc lìa noãn, chỉ có danh và thức lần lượt nương tựa nhau. Lại, kinh thức trụ, cũng không thành chứng. Ý kinh nói: Lìa chung bốn thức thức có quá khứ, vị lai, không có lý này, vì không nói hề lìa bất cứ một thức nào, thì không có khứ lai, nên kinh Thức Trụ, nói ý chung, riêng, như Đức Thế Tôn nói: Kinh Năm Vô Giác v.v... nghĩa là Khế kinh nói:

Kẻ gây ra năm vô gián, đời kế sẽ đọa vào Nại-lạc-ca.

Há tùy theo thiếu một, không có chấp nhận đọa vào địa ngục kia? Lại, nói địa động do bốn thứ nhân, dù không có phân biệt nói, nhưng tạo ra sự hiểu biết sai khác. Lại, nói hữu tình do bốn thực trụ.

Há sắc, Vô sắc trụ cũng do đoạn thực ư?

Căn cứ các kinh kia, nên chung cho giáo này. Nếu cho rằng kinh nói có một loại trời, vì siêu đoạn thực. Lại nói: Trời kia dùng hỷ làm thức ăn, nên cõi ấy không có đoạn thực.

Khế kinh cũng nói: Hữu tình Vô sắc, vì thế không nên nói cõi kia có sắc. Nếu cho rằng một ít sắc được gọi là Vô sắc, như thức ăn ít muối, gọi là không có muối, cũng không đúng, vì Khế kinh nói: Tất cả tướng sắc đều siêu việt. Do đó, thuyết kia dẫn các A-cấp-ma, không thể chứng thành cõi Vô sắc có sắc, lý đã lập kia cũng không thành chứng. Vì trong cõi kia dù đều không có sắc, nhưng về sau mất, sinh cõi Sắc dưới, lại từ tâm sinh, hiện thấy pháp sắc, phi sắc của thế gian, cũng có khi lần lượt nương tựa nhau mà khởi. Nghĩa là tâm khác, nên sắc khác nhau sinh, sắc căn có riêng, thức sinh bèn khác, nên khi từ Vô sắc sắp sinh xuống cõi dưới, thuận với sắc sinh tâm nối tiếp nhau mà trụ. Do thế lực kia dẫn sắc cõi dưới, nhưng không thể nói chỉ từ cõi dưới khởi, mà đồng thời cũng do sắc đời trước cùng vận hành, tâm nối tiếp nhau làm duyên, từ lâu sắc đã diệt làm hạt giống của mình. Nay, sắc mới khởi, vì thừa nhận nhân Đồng loại chung cho quá khứ, hiện tại, nên các vị A-la-hán nhập Niết-bàn rồi, các uẩn nối tiếp nhau dứt không còn, nên hiện không có chút phần, duyên sinh của các uẩn, vì không thể so sánh đồng với mất từ Vô sắc, cho nên về lý đã lập làm chứng không thành.

Lại, cõi Vô sắc chắc chắn không có sắc.

Khế kinh nói: “Xuất ly các sắc”. Nghĩa là Khế kinh nói: Ra khỏi các sắc gọi là cõi Vô sắc. Nếu trong cõi Vô sắc đó cũng có sắc, thì sao lại nói xuất ly?

Nếu cho rằng kinh khác nói: Có không thể xuất ra có, nên biết được kinh này chắc chắn có ý khác. Điều này cũng phi lý, vì trong Khế kinh kia ngăn dứt khắp ra khỏi hẳn mà mật ý thuyết.

Có sự khác giải thích lời kinh này: Xuất ly sắc là, ý kinh nói: pháp lệ thuộc cõi Dục không có trong cõi Sắc. Pháp lệ thuộc cõi Sắc không có trong cõi Vô sắc, chẳng phải hoàn toàn không có sắc trong cõi Vô sắc chỉ ngăn dứt cõi Sắc, nói lời xuất ly. Hoặc ý Khế kinh này nói: Do trí thuộc cõi Sắc, xuất ly hoặc trói buộc cõi Dục. trí lệ thuộc cõi Vô sắc, xuất ly hoặc trói buộc cõi Sắc, chẳng phải trong cõi Vô sắc hoàn toàn

không có sắc, chỉ ngăn dứt hoặc cõi Sắc, nói lời xuất ly.

Lại, nếu kinh nói: Xuất ly các sắc, gọi là cõi Vô sắc, tức cho rằng cõi Vô sắc kia, đều không có sắc. Như thế, Vô sắc xuất ly pháp phi sắc của cõi Sắc. Thì Vô sắc kia cũng nên không có pháp phi sắc. Nếu như có phi sắc, thì pháp sắc lẽ ra cũng có, chẳng phải trong Vô sắc thì có sắc và phi sắc lệ thuộc cõi Sắc. Nhưng vì kinh chỉ nói: Xuất ly sắc, nên biết không dựa vào sự xuất ly chung cõi Sắc, gọi là Vô sắc. Chỉ căn cứ lìa sắc, nói lời Vô sắc.

Lại, như cõi Sắc xuất ly các dục. Cõi Sắc, chủng loại các dục đều không có, trong cõi chẳng phải Sắc, không có chủng loại sắc. Như thế, cõi Vô sắc xuất ly các sắc, tức các chủng loại sắc, cõi Vô sắc đều không có. Trong cõi chẳng phải Vô sắc không có chủng loại Vô sắc.

Lại như cõi diệt xuất ly hữu vi, cõi diệt đều không có các pháp hữu vi.

Cũng thế, cõi Vô sắc đã xuất ly các sắc, lẽ ra các sắc cũng đều không có trong cõi Vô sắc kia.

Lại, trong Vô sắc, chắc chắn không có sắc. Khế kinh nói: Vì trừ tưởng sắc kia, nghĩa là cõi Vô sắc vì dứt tham duyên sắc, nên nói gọi là từ bỏ tưởng sắc.

Nếu thừa nhận cõi kia cũng có các sắc, đối với sắc của cõi kia đã chưa lìa tham, thì không nên nói vì trừ bỏ tưởng sắc, mặc dù có bộ khác nói thế này: Không phải căn cứ sắc thân, nói cõi Vô sắc kia có sắc, vì Khế kinh nói: Khi lìa nhiễm sắc, tâm đối với năm giới đã được lìa nhiễm, chỉ đối với thức giới chưa được lìa nhiễm, nên biết định Vô sắc không có sắc thân. Nhưng có vô lậu tùy tâm chuyển sắc. Đây chỉ có lời nói suông, vì sắc thân kia không có đại chủng, nên chẳng phải không có đại chủng mà có thể có sắc tạo. Luật nghi vô lậu theo chỗ sinh của thân, có đại chủng làm nhân năng sinh, sắc tạo hữu lậu thì không như thế. Chớ cho, vì có lỗi giới, địa xen nhau, nên vô lậu không như thế. Tùy thuộc đại tạo của thân, vì cõi kia không có thân, nên không có sắc vô lậu. Lại, tùy theo chuyển sắc, cõi kia chắc chắn không có, vì Khế kinh nói: Sắc kia có thọ lãnh, cho đến loại thức, không nói có sắc. Nếu có sắc, thì phải nói thế này: Cõi kia, có loại sắc như trong tĩnh lự.

Lại, cõi Vô sắc chắc chắn không có sắc, vì Khế kinh nói: Giải thoát Vô sắc rất vắng lặng, vì vượt qua các sắc, nên chẳng phải cõi Vô sắc không vượt qua sắc, vì phân biệt khác với cõi kia, nói vượt qua sắc, chỉ vì nên rõ thành các địa Vô sắc, cho đến sắc nhỏ nhiệm cũng chắc chắn không có. Thế nên, nói Vô sắc kia vượt qua các sắc.



Nếu cho rằng thuyết nói siêu việt các sắc, là lời nói căn cứ siêu việt sắc thô do mật ý thuyết, điều này cũng phi lý, vì nói tất cả. Nghĩa là Khế kinh nói: Vì tất cả tướng sắc của hữu tình Vô sắc đều siêu việt, cho đến nói rộng.

Nếu cho: Vô sắc thật sự có sắc, thì tự tướng của sắc kia chắc chắn có thể biết, làm sao có thể nói siêu việt tướng sắc v.v..., nên sắc nhỏ nhiệm của cõi Vô sắc cũng không có, vì giáo lý cực thành, không thể nghiêng động.

Như thế là đã giải thích tên chung Vô sắc. Vì sao có tên riêng là không vô biên v.v...?

Ba thứ trước gọi là từ gia hạnh, tư vị gia hạnh, tư duy vô biên Không và vô biên thức, vô sở hữu. Nếu do thắng giải, tư duy gia hạnh vô biên không mà được thành, thì gọi là Không vô biên xứ, nghĩa là nếu có pháp dù cùng có với sắc, nhưng tự thể của pháp đó không nương tựa thuộc về sắc. Các hữu đối với sắc, mong cầu xuất ly, thì lẽ ra phải tư duy pháp kia trước tiên, nghĩa là thể hư không dù cùng có với sắc, mà chờ đợi sắc không có mới được hiển rõ, thuộc pháp bên ngoài, tướng sắc đó vô biên khi tư duy pháp bên ngoài kia, vì dễ lìa sắc, nên địa vị gia hạnh tư duy hư không, lúc thành, tùy theo chỗ thích ứng cũng duyên pháp khác, chỉ từ gia hạnh kiến đặt tên này.

Có sư khác nói: Đầu tiên, lìa địa sắc, vì trái với sắc, nên giả đặt tên không.

Có sư khác lại nói: Các quán hạnh: Do giải thoát sắc, tức đối với uẩn thọ v.v... của địa này, thường hay trụ tướng Không, dựa vào tướng không này để đặt tên Không vô biên. Nếu do Thắng giải tư duy vô biên thức gia hạnh thành tựu, thì gọi là thức vô biên xứ, nghĩa là đối với thân sáu thức thuần tịnh, trong công năng phân biệt rõ, khéo nhận lấy tướng rồi, an trụ Thắng giải, do mượn sức tướng tư duy quán sát tướng vô biên thức. Do gia hạnh này làm trước thành tựu, tùy theo đối tượng thích ứng, cũng duyên pháp khác, chỉ từ gia hạnh, đặt ra tên này.

Có sư khác nói: Vì do ý lạc, và vì đẳng lưu, nên lập ra danh này, nghĩa là sư Du già sắp vào định này, trước khởi ý lạc duyên vô biên thức. Xuất định này, khởi tướng thức đẳng lưu này, vì rất ưa thích, nên nhập rồi xuất đều duyên cảnh thức. Nếu do Thắng giải, xả tất cả gia hạnh đã thành, gọi là vô sở hữu xứ. Nghĩa là thấy vô biên hành tướng thô động, vì muốn chán bỏ, nên khởi gia hạnh này. Thế nên, xứ này gọi là xả hơn hết, vì ở trong đó, không còn ưa tạo ra vô biên hành tướng, tâm đối với sở duyên, xả tất cả các thứ, vì yên lặng trụ. Do vị tướng kém,



tối tăm nên đặt tên thứ tư, nghĩa là tướng trong địa này không sáng suốt thù thắng. Như vì không có tướng, nên được tên phi tướng, mà vì tướng không phải hoàn toàn không có, nên gọi phi phi tướng. Địa này cũng vì có vị tướng kém, nên lời nói này biểu thị tướng của địa Hữu đánh, không phải như vì bầy địa dưới, nên được gọi là phi tướng, không phải như ba vô tâm, nên gọi là phi phi tướng.

Há không là trong vị gia hạnh Hữu đánh, các sư Du già cũng nghĩ rằng: Các tướng như bệnh, như mũi tên, như ung nhọt, như ngu si, như tối tăm trong cõi trời Vô tướng.

Chỉ có cõi trời Phi tướng Phi phi tướng cũng với trên trái ngược sự tịch tĩnh, mầu nhiệm, sao ở đây không căn cứ gia hạnh để đặt tên? Về lý, thật sự như thế, vì người quán hạnh, thì trước phải tướng nhằm chán và vô tướng, nhưng có khi hồi hành giả khi tu gia hạnh vì sao nghĩ thế này: Phải nêu gia hạnh này làm nhân hỏi, đáp, nên nói đặt tên do tướng tối tăm yếu kém. Bốn Vô sắc này đều nói xứ. Vì là chỗ sinh trưởng của các hữu, nghĩa là bốn xứ này là có, không, sinh trưởng các thứ nghiệp phiền não, vì phá chấp giả dối cõi kia là Niết-bàn, nên Phật nói là xứ sinh trưởng hữu.

Đã nói Vô sắc còn Đẳng chí ra sao? Tụng rằng:

*Căn bản đẳng chí tám*

*Bảy trước đều có ba*

*Tức vị tịnh vô lậu*

*Vị sau, hai thứ tịnh*

*Vị, là tương ưng ái*

*Tịnh, là thiện thế gian*

*Đây, là chỗ vị đấm*

*Vô lậu, là xuất thế.*

**Luận nói:** Trên đây, đã nói về tĩnh lự Vô sắc, căn bản, đẳng chí tổng cộng có tám thứ, ở trong đó, bảy thứ trước, mỗi thứ đều có ba, Hữu đánh, đẳng chí, chỉ có hai thứ. Vị của địa này kém, vì không có vô lậu. Vị đẳng chí, đầu tiên, là tương ưng với ái. Ái, vì chủ thể vị mê đấm, nên gọi là vị, vì tương ưng với ái kia, nên đẳng chí này được gọi là vị. Tương ưng với ái, là nói theo tự tánh mà nói, vì đây dùng vật bình đẳng làm tự tánh. Nếu đều là giúp đỡ, thì phải nói thế này: Pháp phẩm đều có ái, được gọi là vị Đẳng chí. Đẳng chí này chỉ nhận lấy pháp phẩm của một quả ái. Đẳng chí tịnh, gọi là định thiện thế gian. Vì lia cấu hoặc, nên tương ưng chung với các pháp bạch tịnh như vô tham v.v... Đây là thiện, nên có khác với vị. Vì là hữu lậu, nên khác với vô lậu. Hữu lậu này tức

là cảnh đấm vị, đẳng chí này, vô gián diệt, vị kia nhất định sinh, duyên với tịnh quá khứ, rất sinh đấm vị. Bây giờ, dù gọi định xuất đối tượng vị, nhưng đối với chủ thể vị định được gọi là nhập. Đối với từ định xuất, gồm có năm thứ:

1. Địa xuất.
2. Sát-na xuất.
3. Hành tướng xuất.
4. Sở duyên xuất.
5. Chủng loại xuất.

Từ Sơ tính lự nhập thứ hai v.v... gọi là địa xuất. Đối với đồng với hành tướng, sở duyên của một địa, vị chuyển biến nối tiếp nhau. Vô gián của niệm trước, nhập vào niệm sau, gọi là xuất sát-na. Từ hành tướng vô thường, nhập hành tướng khổ v.v... gọi hành tướng xuất. Từ duyên sắc uẩn nhập duyên thọ v.v... gọi là sở duyên xuất. Từ hữu lậu nhập vô lậu. Từ không ô nhiễm, nhập ô nhiễm v.v... gọi là chủng loại xuất. Dựa vào chủng loại xuất, trong đẳng chí này nói: Xuất đối tượng vị, nhập định, chủ thể vị.

Há không là nói hai lại trái nhau. Chủ thể vị là ái, không phải đối tượng nhập định. Đối tượng nhập là định, không gọi chủ thể vị làm sao có thể nói nhập chủ thể vị định? Không có lỗi trái nhau. Hiện thấy tương ứng, nêu một danh, nào để nói về phẩm đều cùng có, như khuyên trưởng giả để ý ghi nhận riêng, xen tạp, lẫn nhau, nên đều được hai tên, do đẳng trì tương ứng với ái, gọi vị, vì sức đẳng trì nên ái được gọi là định. Vì thế không có lỗi nói hai lại trái nhau.

Có thuyết nói: Ái định nối tiếp nhau hiện tiền, các sát na sau duyên sát-na trước làm cảnh, đối tượng vị, tức là sát-na diệt trước, sau sinh sát-na, gọi là chủ thể vị. Chủ thể vị ái này khi hiện ở trước, duyên nơi cảnh quá khứ, không duyên tương ứng với tự tánh và pháp câu hữu hiện tại, vì không quán tự tánh v.v... nên không duyên vị lai vì chưa hề nhận lãnh, đối với cảnh sở duyên, chuyên chú không dời, mới gọi là định, ái tương ứng với định, vì cũng chuyên chú một cảnh, nên được gọi là định. Hoặc khác tương ứng thì không như thế. Nghĩa là phiền não khác với sở duyên của mình, vì không thể khiến cho tâm chuyên chú như ái, nên Tam-ma-địa nếu cùng có với ái, chuyên chú một duyên tương tự với thiện. Định vô lậu, là định xuất thế, không duyên với ái, nên không phải mê đấm đối tượng vị.

Như thế, đã nói trong tám đẳng chí, chi thuộc tính lự không phải các Vô sắc vì các Vô sắc rất vắng lặng, nghĩa là sư Du già ưa tu phẩm

thiện, nếu ở trong tụ công đức rộng lớn, kiến lập chi riêng, tinh tấn siêng năng tu tập. Nếu các Vô sắc vì sự vắng lặng gia tăng, vị của pháp tâm, tâm sở kém mà chuyển, thế nên ở Vô sắc kia không kiến lập chi, hoặc vì đẳng trì trong địa Vô sắc kia cao siêu riêng, không phải một trội hơn mà được đặt tên là chi, vì phải do nhiều pháp tăng mới đặt tên chi. Do đó, chỉ riêng tĩnh lực được đặt tên chi, vì định, tuệ đều vận hành nhiều pháp đều tăng. Vì thế, phần gần cũng không lập chi. Trong phần gần sắc, vì chỉ có tuệ tăng trưởng.

Có sư khác nói: Nếu trong các địa có tâm sở riêng, phải đoạn diệt không còn sót, thì mới ở địa này lập chi, không phải địa khác.

Đoạn diệt khổ, ưu trong Sơ tĩnh lực.

Đoạn diệt tầm tứ không còn trong tĩnh lực thứ hai, diệt hỷ thứ ba, đoạn lạc thứ tư.

Trong địa Vô sắc dù đều diệt dần, nhưng không tùy theo địa đoạn diệt không còn.

Cách giải thích này chưa thể dứt trừ các nghi vấn khác: Vì sao chỉ ở trong tĩnh lực này mới kiến lập chi?

Thế nên, phải theo giải thích trước là tốt. Về bốn tĩnh lực, mỗi tĩnh lực có bao nhiêu chi? Tụng rằng:

*Năm chi Sơ tĩnh lực  
Định tâm, tứ, hỷ, lạc  
Thứ hai có bốn chi  
Định hỷ, lạc, nội tịnh  
Thứ ba, đủ năm chi  
Định xả, niệm, tuệ, lạc  
Thứ tư có bốn chi  
Định thọ trong xả niệm.*

**Luận nói:** Chỉ tịnh vô lậu trong bốn tĩnh lực. Đầu tiên, có năm chi:

1. Tầm.
2. Tứ.
3. Hỷ.
4. Lạc.
5. Tâm nhất cảnh tánh.

Tâm nhất cảnh tánh là tên khác của định. Định và thể của đẳng trì đồng, vì tên khác, nên nói định, tức đẳng trì cao siêu. Trong đây, gọi là tâm nhất cảnh tánh.

Tĩnh lực thứ hai chỉ có bốn chi:

1. Nội đẳng tịnh.
2. Hỷ.
3. Lạc.
4. Tâm nhất cảnh tánh.

Tĩnh lực thứ ba có đủ năm chi:

1. Hành xả.
2. Chánh niệm.
3. Chánh tuệ.
4. Thọ lạc.
5. Tâm nhất cảnh tánh.

Tĩnh lực thứ tư chỉ có bốn chi:

1. Hành xả thanh tịnh.
2. Niệm thanh tịnh.
3. Không phải khổ, lạc thọ.
4. Tâm nhất cảnh tánh.

Vì sao tĩnh lực thứ nhất, thứ ba chỉ đều đủ năm, thứ hai, thứ tư, chỉ có bốn chi? Vì mỗi tĩnh lực chỉ kham được như thế mà lập chi. Hoặc do cõi Dục, có nhiều các pháp ác và năm dục tốt đẹp khó dứt, khó bỏ. Tĩnh lực thứ hai có lập lại hỷ của địa, tướng của địa ấy rất hiếu động trong hỷ. Dẫn đến ái của năm bộ khó xả, khó dứt.

Vì đối trị với năm ái bộ đó, nên tĩnh lực thứ ba và đầu tiên, mỗi tĩnh lực đều có năm chi. Vì tĩnh lực đầu, thứ ba không phải như vậy, nên số tĩnh lực còn lại đều có bốn, hoặc vì thuận theo pháp đẳng chí siêu việt, nghĩa là đầu tiên, lúc khởi, vượt qua đẳng chí, nhập loại khác thì khó, nhập loại đồng thì dễ, nhưng trong vị khởi đầu tiên, vượt qua đẳng chí, hoặc từ sơ nhập ba, hoặc từ hai nhập bốn, nên thứ hai, thứ tư, đều chỉ bốn chi, sơ và thứ ba, đều có đủ năm. Về sau, khởi thì dễ, nên tĩnh lực trên không có chi.

Tên các chi tĩnh lực đã có mười tám, trong đó thật sự gồm có bao nhiêu thứ? Tụng rằng:

*Đây thật sự mười một  
Sơ, nhị: Lạc, khinh an  
Nội tịnh là Tín căn  
Hỷ tức là hỷ thọ.*

**Luận nói:** Chi tĩnh lực này thật sự chỉ có mười một, nghĩa là năm chi của Sơ tĩnh lực, tức năm sự thật. Ba chi tĩnh lực thứ hai như trước, thêm chi nội tịnh đủ với trước là sáu.

Đẳng trì tĩnh lực thứ ba, như trước, thêm bốn chi còn lại với trước

đủ là mười.

Ba chi tĩnh lự thứ tư, như trước, thêm chi phi khổ lạc, với trước là mười một.

Duyên cố gì tâm v.v... không phải chi tĩnh lự?

Vấn đề này phải căn cứ phần Bồ-đề ở trước để nói. vì có khác với phần kia, nên nay phân biệt sơ lược.

Thọ ở giữa lập thọ thứ ba phi ưu khổ. Ưu khổ chỉ vì là thuộc về cõi Dục. Ba thọ, tùy theo địa làm chi lợi ích. Vì thuận với công dụng mạnh mẽ, nên đều thuộc về chi.

Vì sao tĩnh tấn không phải chi tĩnh lự?

Các chi tĩnh lự thuận với sự vượt thù thắng địa mình, vì tinh tấn thuận với địa trên, nên không lập chi. Hoặc phần yên vui, thích hợp với chi tĩnh lự, tinh tấn cầu thắng tiến, cố gắng một cách mệt mỏi, khổ sở, hai thứ tâm, tứ có công năng giúp đỡ đấng trì, tự chế ngự, khích lệ tâm, sao cho lia thô, tế, vì đối trị ác ở cõi Dục, nên đều lập chi.

Vì sao vô biểu không phải chi tĩnh lự. Các chi tĩnh lự giúp đỡ định trụ vào cảnh. Vì vô biểu kia không duyên nơi cảnh, không lập chi, nên chi tĩnh lự tùy theo địa mà khác, dù có mười tám, nhưng đối với sự thật, tìm thích hợp trong chủng loại, chỉ chín thứ, nhưng vì thọ khác nhau, nên chia thành mười một.

Do đó, nên nói có chi đầu tiên, không phải chi thứ hai, nên tạo ra bốn luận chứng:

1. Luận chứng thứ nhất. Là tâm, tứ.
2. Luận chứng thứ hai. Là nội tịnh
3. Luận chứng thứ ba. Là đấng trì hỷ lạc
4. Luận chứng thứ tư. Là pháp còn lại trừ trước, chi còn lại đối nhau nên tư duy đúng như lý.

Chi trong đây, gọi là nghĩa gì?

Gọi biểu thị nghĩa thành.

Biểu thị thành là gì?

Nghĩa là biểu thị thành, đây là Sơ tĩnh lự, cho đến đây là tĩnh lự thứ tư. Hoặc tên gọi chi này nghĩa là thuận theo, như quả câu duyên, v.v... gọi là chi uống ăn. Nghĩa là mười tám chi đều thuận với địa mình. Hoặc nghĩa công cụ giúp đỡ, gọi là chi, như chi tế tự, tức bò, ngựa v.v... nghĩa là tâm, tứ v.v... lần lượt giúp nhau.

Sư Tỳ-bà-sa biểu dương sáng tỏ đấng trì hơn hết của địa tĩnh lự, nên nói như vậy: Tam-ma-địa là tĩnh lự, cũng chi tĩnh lự tâm, tứ v.v... là chi tĩnh lự, không phải tĩnh lự, làm sao biết được đấng trì của địa tĩnh lự

là thù thắng hết ư?

Vì trong Khế kinh nói thế này: Đối với bốn tĩn lự, nên biết căn định, nên về tương tĩn lự thành và nghĩa phòng hộ nhau, vì tương tự, nên nói như thế này: Như quân của bốn chi cũng không có lỗi, như vua và chúng dân mặc dù giúp đỡ lẫn nhau mà ở trong đó, vua rất vượt hơn.

Há không là ba lạc nhất định, thể của chúng đồng nhau, thì chi tĩn lự lẽ ra không có mười một?

Lạc của định thứ ba dùng thọ làm thể. Lạc của tĩn lự Sơ, Nhị, tức khinh an, nên chi tĩn lự, thật sự có mười một.

Khinh an, hành xả khắp bốn tĩn lự, vì sao Sơ, Nhị chỉ lập khinh an. Trong hai địa sau chỉ lập hành xả.

Vì khinh an này thuận theo khắp đối với tĩn lự kia, nghĩa là có các pháp ác trong cõi Dục. Địa Sơ tĩn lự có tướng tầm, tứ, công năng bức não tâm, cũng như mũi tên tẩm thuốc độc. Sơ, Nhị vì lìa phiền não kia, nên khinh an tăng. Hỷ của tĩn lự thứ hai rất hiếm động. Lạc thọ của tĩn lự thứ ba tăng cùng cực, cả hai đều có công năng làm chỗ sinh tốt cho ái. Vì tĩn lự ba, bốn từ bỏ ái kia, nên hành xả tăng. Hoặc cõi Dục và Sơ tĩn lự có sắc căn thức dẫn phát thô, nặng hơn so với địa khác. Sơ, Nhị vì lìa phiền não kia, nên thành khinh an tăng.

Trong địa ba, bốn, lìa thô nặng, xa, vì vắng lặng chuyển biến nên hành xả tăng, nghĩa là lạc khinh an, như trút bỏ gánh nặng đầu tiên. Nếu lại chuyển đổi địa, thì phần khí yếu kém, nên chỉ sơ, nhị có lập khinh an, trong địa thứ ba, bốn nhậm vận chuyển. Vì sự vắng lặng được chuyển vận khéo léo, nên lập hành xả. Hoặc định sơ, nhị có duyên khinh an, vì hỷ làm thắng duyên cho khinh an. Như Khế kinh nói: Hỷ cho nên khinh an. Vì không có duyên hỷ trong định ba, bốn, nên khinh an yếu kém, không lập làm chi. Hành, xả khinh an giúp đỡ ngăn che. Nếu xứ có một, thì tĩn lự thứ hai không có. Khinh an trị hôn trầm, tướng nó nổi lên nhẹ nhàng, hành xả trị trạo cử, tướng nó ngưng lặng, nên an và xả ngăn che lẫn nhau.

Lý nào làm chứng biết ba chi lạc, hai là khinh an, thứ ba là thọ?

Đã nói: Đối với sơ, nhị kia, vì nghiên về thuận theo, nghĩa là định thứ ba là lạc, không phải khinh an, an không phải chi của định kia.

Kế là, trước đã nói: Lạc của định sơ, nhị, không phải lạc thọ, mà là thân, tâm thọ đều phi lý. Nghĩa là lạc ở sơ, nhị, không phải thân thọ, chánh ở trong định vì không có năm thức, nên cũng không phải tâm thọ, lẽ ra tức hỷ, nên phải lìa hỷ, ái, tâm hài lòng của địa khác, mới có thể

khác với trước, lập làm lạc thọ. Hỷ, tức hỷ thọ ở trong một tâm, hai thọ cùng vận hành, là không đúng. Nếu cho rằng hỷ, lạc lại hiện khởi lẫn nhau, thì sẽ không có lỗi này, về lý, cũng không đúng, vì nói đủ năm chi, và bốn chi.

Nếu cho rằng năm, bốn chi, là căn cứ chấp nhận có mà nói, không hẳn đều cùng hiện hành, cũng không đúng, lẽ ra vì định có tâm, không có Tỳ, nhưng kinh chỉ nói có ba đẳng trì. Có tâm, có từ cho đến nói rộng.

Nếu chi tĩnh lự không phải đều cùng khởi vì sao không nói có định, có tâm, không có tứ? Lại, ở trong Sơ tĩnh lự, cõi Dục, lẽ ra cũng có đủ ba Tam-ma-địa, tức là trái với lời Khế kinh nói?

Kinh chủ trong đây, giả dẫn nói người khác nói cho rằng: Định không có tâm thọ lạc căn. Trong ba tĩnh lự nói về chi lạc, đều là lạc thuộc về thân thọ.

Nếu vậy, thì trái bỏ với Khế kinh đã nói, như Khế kinh nói: Thế nào là lạc căn? Nghĩa là thuận với sức lạc xúc đã dẫn sinh lạc thọ của thân, tâm. Thật ra không có trái bỏ.

Có sư khác nói: Ở đây, nói tâm tăng ích. Bộ khác trong kinh, vì chỉ nói thân.

Vì sao không cho là Khế kinh của bộ khác?

Có sư khác nói: Đối với thân kia, dứt trừ chữ tâm, vì Khế kinh nói định thứ hai v.v... không có thân, tâm thức khác, vì một cõi.

Nếu cố nói định thứ hai kia có thân thọ niềm vui, thì sẽ trái với lý (về sau, sẽ có nói).

Mặc dù định thứ ba đã lập chi lạc, nhưng Khế kinh nói: Vì thân đã thọ niềm vui, nhưng không thể chứng lạc căn của địa định thứ ba kia không thuộc về tâm thọ, cũng nói ly sinh hỷ là vì đối tượng chứng của thân.

Há có thể do đó, ấy là chấp hỷ căn, không thuộc về tâm thọ. Lại, không phải sắc pháp cũng chấp nhận nói là thân? Nghĩa là thân sáu xúc, thân sáu thọ v.v...?

Nếu cho rằng Vô sắc gọi là thân, không có thân, thì trước kia đã không nêu danh, đây không phải quyết định nói thân kiến trong cõi Vô sắc. Lại, vì chấp ở cõi Vô sắc kia nói thân hủy hoại. Lại, nói vì thân cõi kia thấp kém sinh. Lại, chấp kinh nói đây không phải thân ông, cũng không phải thân người khác, nghĩa là xứ sáu xúc. Lại, sắc thân trước kia cũng vì nêu lên tên riêng, như Khế kinh nói: Vì sắc thân hiện có, nên thân trước kia gọi là có, chẳng phải không nhất định, nên biết ở đây ý



nói là thân. Thuyết này gọi thân là đức gì?

Vì biểu thị lạc thọ của địa kia, tự nội đã chứng, nghĩa là lạc của địa kia, không phải đối tượng nương tựa, sở duyên, đối tượng, chủ thể biểu thị chỉ tự nội chứng, đây tức là biểu thị tột cùng trong lạc thọ kia, cũng chấp đối với thuyết của mình, dùng tiếng thân, như thuyết: Do thân chứng cõi cam lộ, tức là nghĩa tự chứng cam lộ. Hoặc vì biểu thị lạc thọ như thế, giống như thời gian trước, do thân đã chứng, không giống với tâm sở chứng của địa dưới, nghĩa là vì muốn phân biệt đã chứng của tâm địa dưới, nên nói cõi kia thọ lạc do thân. Hoặc vì thị hiện rõ tất cả lạc căn đều nương dựa, nương tựa sắc thân thức. Do đó, đã chỉ rõ trong lạc, khinh an cũng có chỗ nương tựa không phải sắc, thức, thì nói lạc kia, tất cả địa đều có.

Do nghĩa lý này, trong Khế kinh này nói không rõ ràng vì ý, thân đã thọ nhận lạc.

Lại, nếu nói vì ý tức có lỗi không phải thọ, nghĩa là nếu nói ý đã thọ nhận lạc, ấy là lạc này là cảnh giới thọ. Nhưng lạc này không biểu thị lạc của định thứ ba, vì sở duyên của ý, gọi là cảnh giới thọ, chỉ vì chỉ rõ tương ứng của chủ thể nhận lãnh, tự đối tượng tùy theo xúc, gọi là thọ tự tánh.

Thế nên, ở đây không nói nói vì ý, nhưng vì dứt trừ nghi, không nói tướng chung.

Nếu chỉ nói chung là thọ lạc, bèn hoài nghi lạc thọ này làm cảnh vì hiện tiền. Nếu nói nêu thân, thì không có hoặc này. Vì có đức này, nên nói thân. Lại có lạc căn thuộc về tâm thọ, vì kinh nói: Ta nói nhập tính lự thứ ba, trụ đầy đủ tu tập lạc. Lại, nói khi tu tập lạc thọ này, đối với lạc tùy miên tùy tăng tham đã dứt, không thể nói đây là thân thọ lạc, nên không thể nói trong ba tính lự có chi lạc đều thuộc về thân thọ, quyết định nên tin có lạc thọ căn của tâm thọ.

Lại, làm sao biết được lạc của định Sơ, Nhị là thân thọ lạc, không phải tâm khinh an. Khinh an của tính lự thứ tư tăng gấp bội, mà không nói tính lự kia có chi lạc? Điều này ở trước đã nói.

Trước đã nói ra sao? Vì khinh an không thuận theo đối với tính lự kia. Lại, khinh an này có công năng sinh ra lạc, cũng như cảnh vui, cũng được gọi là vui, nên có địa lạc, mới được tên lạc, địa kia không có lạc, không được tên lạc.

Nếu vậy, thì khinh an của định thứ ba, lẽ ra gọi là lạc? Không như thế, đã nói vì không thuận theo, nên khinh an mà hai tính lự sau đã có, thể dù thù thắng với trước, nhưng về tướng thì mờ tối, yếu kém. Do

trước kia đã nói nhiều thứ nhân duyên, thế nên, khinh an ở tĩnh lự kia không phải lạc. Nếu hai lạc của Sơ, Nhị ban đầu tức là khinh an, ấy là sẽ có lỗi trái nhau với Khế kinh, như Khế kinh nói: Nếu lúc ấy, các Thánh đệ tử, đối với ly sinh hỷ thân, tác chứng trụ đầy đủ thì đệ tử Thánh kia bấy giờ đã dứt năm pháp. tu tập năm pháp đều được viên mãn, nói rộng cho đến gọi là năm pháp đã tu gồm?

1. Hân hoan.
2. Hỷ.
3. Khinh an.
4. Lạc.
5. Tam-ma-địa

Kinh này nói: Khinh an và lạc, được nói riêng. Nếu khinh an tức lạc, làm sao nói có năm? Không có lỗi trái với kinh. Do lạc mà trong kinh này đã nói, vì là lạc căn, nên không phải chi tĩnh lự trong kinh này lập, nói chung là công năng tu năm pháp sơ định. Lại, tông của ta không nói khinh an, tức lạc căn, chỉ vì nói khinh an là nhân của lạc, nên đối với định sơ, nhị lập làm chi lạc.

Đã nói như đây, về nghĩa đâu có lỗi, vì trong tất cả Thánh giáo của Phật, không phải chỉ lạc thọ, nói gọi là lạc, vì nhận thấy có pháp khác, cũng gọi là lạc, nghĩa là khế kinh nói: Lạc có ba thứ:

1. Vui dứt.
2. Vui lia.
3. Vui diệt.

Lại, Khế kinh nói: Niềm vui có năm thứ :

1. Vui xuất gia.
2. Vui xa lìa.
3. Vui vắng lặng.
4. Vui Bồ-đề.
5. Vui Niết-bàn.

Có rất nhiều Khế kinh đã nói như thế, lạc, gọi là đủ loại pháp. Thế nên, nếu nói: tĩnh lự sơ, nhị lấy lạc căn làm chi, ấy là trái với chánh lý. Nếu nói về chi lạc mà sơ, nhị đã có, tức là khinh an, không có gì trái bỏ.

